

DU LỊCH SINH THÁI Ở VƯỜN QUỐC GIA GALAPAGOS VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN TRỌNG NHÂN

TÓM TẮT

Du lịch sinh thái đã và đang nhận được sự quan tâm của toàn xã hội vì tính ưu việt của nó so với các loại hình du lịch khác. Phát triển du lịch sinh thái đúng nghĩa sẽ mang lại lợi ích rất lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Trong du lịch sinh thái có bốn yếu tố cơ bản: dựa trên địa bàn có tính đa dạng sinh học cao và văn hóa bản địa đặc sắc; có hoạt động giáo dục môi trường; hỗ trợ tài chính cho việc bảo tồn tài nguyên, môi trường; khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch và mang lại lợi ích cho họ. Galapagos là Vườn quốc gia có đầy đủ thế mạnh để phát triển loại hình du lịch này và có những thành công nhất định từ việc quản lý, vận hành du lịch sinh thái. Đây được xem là bài học thiết thực cho những địa bàn phát triển du lịch sinh thái.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay du lịch sinh thái không còn là một trào lưu mà đã trở thành xu thế phát triển tất yếu của xã hội vì tính ưu việt của nó so với các loại hình du lịch khác về trách nhiệm đối với con người, thiên nhiên và môi trường. Có ý kiến cho rằng: "Du lịch

sinh thái xuất phát và nảy sinh từ các tran trở về môi trường, kinh tế và xã hội; là một trong những cách thức để trả nợ cho bảo tồn thiên nhiên và làm tăng giá trị của các khu bảo tồn thiên nhiên còn lại" (Kreg Lindberg và Donald E. Hawkins, 1999, tr. 2). Chính vì nhận thức được những lợi ích của du lịch sinh thái đối với việc bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn văn hóa bản địa các dân tộc, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nên Liên Hiệp Quốc đã chọn năm 2002 làm năm quốc tế về du lịch sinh thái (Lê Huy Bá và cộng sự, 2006, tr. 13). Qua đó cho thấy đây là loại hình du lịch có nhiều triển vọng và có khả năng thúc đẩy địa bàn nuôi dưỡng nó phát triển một cách bền vững. Việt Nam có nhiều Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên còn lưu giữ được những hệ sinh thái điển hình với tính đa dạng sinh học cao cùng với các yếu tố văn hóa bản địa mà chủ nhân là các dân tộc thiểu số là những yếu tố rất hấp dẫn đối với du khách. Mặc dù những năm qua nước ta đã đưa mô hình du lịch này vào phát triển ở một số nơi có điều kiện thích hợp (Vườn quốc gia) nhưng vẫn chưa mang lại những kết quả như mong đợi. Nguyên nhân có rất nhiều nhưng ở đây chỉ muốn nói đến nhận thức cũng như cách làm du lịch sinh thái của ta có thật sự đúng với bản chất của du lịch sinh thái hay chưa. Trên cơ sở nghiên cứu

mô hình du lịch sinh thái rất thành công trên thế giới - du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Galapagos thiết nghĩ cũng rất cần thiết cho việc áp dụng vào phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

2. NHẬN THỨC VỀ DU LỊCH SINH THÁI

Vào những năm 1970 của thế kỷ XX, du lịch đại chúng ở nhiều Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên trên thế giới chủ yếu vẫn chú ý đến việc săn bắn các loài thú lớn cùng với các hoạt động thiếu ý thức của du khách cũng như người dân địa phương đã tác động xấu đến môi trường và phá hủy thiên nhiên. Tuy nhiên, dần dần du khách bắt đầu cảm nhận được những tác động lên sinh thái do mình gây ra và người dân địa phương cũng nhận thức được giá trị của tài nguyên, môi trường nên có phần giảm đáng kể những hoạt động có tính chất phung phí hại đến thế giới hoang dã. Bên cạnh đó, các tour du lịch ở các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên cũng dần được hướng dẫn và quản lý một cách nghiêm ngặt. Du lịch sinh thái dần dần được định hình từ đây (Kreg Lindberg và Donald E. Hawkins, 1999, tr. 1-2; Lê Huy Bá và cộng sự, 2006, tr. 15). Như vậy, mầm mống của du lịch sinh thái bắt đầu từ thập niên 1970 của thế kỷ XX.

Có thể nói Hector Ceballos-Lascurain là người đầu tiên đưa ra định nghĩa tương đối hoàn chỉnh về du lịch sinh thái (1987). Tuy nhiên, về sau nội hàm khái niệm càng được mở rộng bởi các nhà nghiên cứu khác, điển hình như: Wood (1991), Allen (1993), Buckley (1994), v.v. Mặc dù mỗi nhà nghiên cứu đều cố gắng đưa ra được một định nghĩa cho riêng mình nhưng tựu chung lại du lịch sinh thái có 4 yếu tố cơ bản cấu thành như sau.

Thứ nhất, là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa. Đây được xem là điều kiện cần để phát triển du lịch sinh thái. Nếu trong các loại hình du lịch khác thiên nhiên đơn thuần chỉ là yếu tố có thể khai thác để phục vụ nhu cầu của du khách thì đối với du lịch sinh thái thiên nhiên lại được xem là điểm nhấn quan trọng nhất. Còn đối với yếu tố văn hóa trong du lịch sinh thái chỉ giới hạn ở chỗ chỉ những giá trị vật chất và tinh thần được con người tạo ra trong quá trình định cư, sinh sống lâu dài gắn liền với hệ sinh thái tự nhiên cụ thể được khai thác phục vụ khách du lịch mới được xem là tài nguyên du lịch sinh thái. Đặc trưng của văn hóa bản địa là tính khác biệt trong những điều kiện môi trường đã sản sinh ra nó.

Thứ hai, phải có hoạt động giáo dục môi trường cho du khách bằng nhiều hình thức để họ hiểu và trân trọng thế giới hoang dã, nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Rộng hơn, hoạt động giáo dục môi trường trong du lịch sinh thái còn được thực hiện đối với người dân địa phương. Đây được xem là tiêu chí quan trọng nhất để phân biệt sự khác nhau giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch khác.

Thứ ba, có đóng góp tài chính cho hoạt động bảo tồn tài nguyên, môi trường ở địa bàn phát triển. Nếu như trong các loại hình du lịch khác nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn, gìn giữ tài nguyên chủ yếu bằng nguồn vốn nhà nước hoặc nguồn tài trợ từ các tổ chức trên thế giới thì trong du lịch sinh thái lại đòi hỏi phải có sự đầu tư tài chính trực tiếp từ sự đóng góp ủng hộ bảo tồn hoặc thông qua số tiền thu được từ du khách để trả lương cho bộ phận quản lý, bảo vệ rừng; mua sắm các

trang thiết bị để phòng chống cháy rừng, phòng chống lâm tặc; phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học; diệt trừ các loài sinh vật ngoại lai, v.v.

Thứ tư, mang lại lợi ích cho người dân địa phương có thể thông qua việc tạo điều kiện cho họ được tham gia hoạt động du lịch để có thêm thu nhập hoặc trích một phần lợi nhuận thu được từ du lịch đầu tư phát triển hạ tầng xã hội vì sự phát triển của cộng đồng.

Hoạt động du lịch đáp ứng 4 yếu tố trên thì được xem là du lịch sinh thái. Trong đó, yếu tố thứ 2 và thứ 3 là trọng tâm và là cơ sở cho sự phân biệt giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch còn lại. Vì suy cho cùng, tất cả các loại hình du lịch đều phát triển dựa trên nền tảng về tự nhiên hoặc văn hóa hay tổng hợp cả hai; đều ít nhiều có sự tham gia của người dân địa phương và có mang lại lợi ích cho họ. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục môi trường và đóng góp trực tiếp cho bảo tồn tài nguyên, môi trường thì chỉ hiện diện ở du lịch sinh thái vậy.

3. DU LỊCH SINH THÁI Ở VƯỜN QUỐC GIA GALAPAGOS VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

3.1. Đa dạng sinh học - cơ sở quan trọng để Galapagos hấp dẫn khách du lịch sinh thái

Vườn quốc gia Galapagos nằm trong quần đảo cùng tên thuộc chủ quyền của nước Ecuador. Từ lâu nơi đây đã nổi tiếng thế giới về sự độc đáo, khác lạ của thế giới hoang dã. Các loài động, thực vật ở Vườn quốc gia rất đa dạng và thể hiện tính đặc hữu ở mức độ cao. Về động vật có kỳ đà biển, rùa biển, chim cánh cụt, hải cẩu, rùa Galapagos, chim hải âu lớn, sư tử biển, cá mập, v.v. Chính sự độc đáo và bạo dạn

của thế giới động vật trong giao tiếp với con người đã làm cho Galapagos trở thành điểm thu hút khách du lịch thiên nhiên hàng đầu trên thế giới. Bên cạnh đó, Galapagos còn có một số loài thực vật đặc hữu như xương rồng khổng lồ, hướng dương, v.v. Đây là những giá trị rất lớn giúp cho Galapagos có thể phát triển tốt loại hình du lịch sinh thái.

3.2. Những khó khăn, thách thức đối với tài nguyên, môi trường và du lịch ở Vườn quốc gia Galapagos

Quá trình phát triển của Galapagos luôn gặp phải những mối đe dọa đến thiên nhiên, môi trường, du lịch từ hoạt động của con người, cụ thể như sau.

Trên 200 năm trước con người đã đến quần đảo Galapagos và dẫn đến việc du nhập vào những loài sinh vật ngoại lai. Điều này đưa đến sự tuyệt chủng một số loài động vật đặc hữu trên đảo. Cùng với đó, sự khai thác nguồn lợi biển quá mức từ người dân trên đảo đe dọa các loài hải sâm, tôm hùm và cá mập.

Áp lực đối với Galapagos còn được thể hiện qua sự gia tăng dân số quá nhanh, từ năm 1950-1998, tốc độ gia tăng dân số bình quân luôn trên 4,5%/năm thậm chí đạt 6,4%/năm (Silvia Benitez P. và cộng sự, 2001, tr. 9). Dân số đông gây sức ép lên tài nguyên và môi trường trên đảo.

Ngoài những tác động từ cư dân địa phương, Vườn quốc gia Galapagos còn phải đối mặt với sự gia tăng về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật do du khách tăng nhanh (từ 4.579 du khách năm 1970 lên 53.118 du khách năm 2000) (Silvia Benitez P. và cộng sự, 2001). Việc tăng số lượng khách sạn làm cho diện tích

đất rừng bị thu hẹp, nhiều loài thực vật phải bị triệt hạ; một số nơi tham quan trên đảo bị tắc nghẽn do số lượng tàu thuyền lớn (Silvia Benitez P. và cộng sự, 2001, tr. 10-11).

Tác động của cư dân địa phương đã làm giảm tính đa dạng sinh học ở Vườn và từ đó ảnh hưởng đến tài nguyên du lịch. Bên cạnh đó, sự phát triển du lịch thiếu quản lý, hướng dẫn nghiêm ngặt cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến thế giới hoang dã trên đảo.

3.3. Những bài học kinh nghiệm từ cách quản lý du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Galapagos

Đứng trước nguy cơ tuyệt chủng của một số loài sinh vật đặc hữu, sự tác động xấu đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên đang bị đe dọa cạn kiệt, v.v., dịch vụ công viên quốc gia Galapagos đã quản lý du lịch từ những năm 1970 của thế kỷ XX vì thế có thể cung cấp cái nhìn thấu đáo, hữu dụng về chương trình du lịch sinh thái thành công để có thể vận dụng vào các địa bàn phát triển du lịch sinh thái. Cách quản lý du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Galapagos cụ thể như sau.

- Tất cả các tàu chở khách tham quan bắt buộc phải có hướng dẫn viên được đào tạo bài bản về sinh thái và được cấp giấy phép đi cùng làm công tác hướng dẫn.

- Để hạn chế sự tác động của du khách lên tài nguyên, các tàu được thiết kế nhằm phục vụ ăn uống, tham quan của du khách, giảm sự phát triển cơ sở hạ tầng trên đảo.

- Một số đường mòn thiên nhiên trên đảo được thiết lập để phục vụ nhu cầu tham quan của du khách nhưng có giới hạn rõ ràng phạm vi được phép tham quan.

- Một số khẩu hiệu được thiết lập ở Vườn quốc gia như: không lấy gì ngoài những bức ảnh và kỷ niệm đẹp; không để lại gì ngoài những dấu chân; không làm hại đến động vật hoang dã.

- Hạn chế khả năng tiếp cận để du khách không làm hoảng hốt, xua đuổi động vật trong trạng thái nghỉ ngơi hoặc làm tổ.

- Du khách không được hút thuốc và sử dụng điện thoại di động trên đảo.

- Các loại rác rưởi, chai lọ, chất dẻo phế thải từ thuyền du lịch không được vứt xuống biển mà phải được sắp xếp ở nơi quy định.

- Khuyến khích du khách không nên mua những hàng lưu niệm được làm từ các loài sinh vật bản địa Galapagos.

- Các tàu không được phép đưa du khách đến tham quan ở các đảo chưa bị xâm nhập bởi sinh vật ngoại lai.

- Vườn quốc gia có thu phí vào cổng, hoặc phí sử dụng theo hệ thống giá có sự phân biệt giữa khách nội địa và khách quốc tế, giữa các lứa tuổi của du khách. Khách quốc tế phải chi trả nhiều hơn đối với khách nội địa, khách là người lớn chi trả nhiều hơn đối với khách là trẻ em (11-3 tuổi). Đối tượng miễn giảm phí tham quan là trẻ em dưới 2 tuổi.

- Vườn quốc gia cũng tuân thủ chặt chẽ sức chứa trong du lịch sinh thái.

- Khách du lịch đến Vườn quốc gia được quản lý bằng cách khai báo họ tên, tuổi, quốc tịch, v.v.

- Các tàu phải báo cáo số lượng du khách cho mỗi chuyến tham quan.

- Hướng dẫn viên cũng phải báo cáo số lượng khách và các tuyến điểm tham quan, thời gian tham quan để tiện cho việc

quản lý khách cũng như hoạt động du lịch ở Vườn quốc gia.

- Có cơ chế phân chia lợi nhuận từ du lịch cho các đối tượng khác nhau: 40% cho Vườn quốc gia, 20% cho Khu vực tự trị Galapagos, 10% cho Chính quyền địa phương tỉnh Galapagos, 10% cho Viện quốc gia Galapagos, 5% cho Bộ Môi trường, 5% cho Hải quân quốc gia, 5% cho Hệ thống kiểm dịch và điều khiển, 5% cho Khu bảo tồn biển (Silvia Benitez P. và cộng sự, 2001, tr. 15).

- Ban quản lý du lịch nhận thức được rằng nếu người dân địa phương không được tham gia vào các quyết định và quá trình quản lý, nếu họ không được hưởng lợi từ du lịch, có thể họ sẽ tạo nguồn tài chính bằng cách chuyển sang các hoạt động gây hại cho môi trường. Cho nên, họ đã tạo điều kiện cho người dân địa phương được tham gia vào hoạt động du lịch như cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú, tham quan; bán hàng lưu niệm; làm hướng dẫn viên, v.v. Nhờ vậy, đã làm giảm đáng kể những tác động xấu của cư dân đến quần đảo.

Hiện tại, Vườn quốc gia Galapagos đã trở thành điểm du lịch sinh thái nổi tiếng trên thế giới không chỉ về thế giới sinh vật độc đáo, hấp dẫn mà còn về cách làm du lịch ở đây.

4. KẾT LUẬN

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có thể mang lại nhiều lợi ích cho môi trường, kinh tế và xã hội nếu được vận hành một cách đúng đắn. Việt Nam có tiềm năng rất lớn để phát triển thành công loại hình du lịch này nhưng cần phải có công tác quy hoạch, quản lý nghiêm túc nhằm tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra. Hơn nữa,

nhiều điểm du lịch được gọi là du lịch sinh thái ở nước ta có rất nhiều từ các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên cho đến một số khu du lịch là các điểm vườn cây ăn trái, sân chim, hang động, v.v. phần lớn chưa đảm bảo được các yêu cầu của du lịch sinh thái. Vì vậy có nên gọi một cá từ tiện là điểm du lịch sinh thái như hiện nay không nhằm tránh những nhìn nhận sai trái về loại hình du lịch đặc thù này.

Phác họa một số nét đưa đến sự thành công trong phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Galapagos cho thấy vì tạo điều kiện cho người dân địa phương được tham gia vào du lịch và mang lại lợi ích cho họ có vai trò rất lớn trong việc giữ tài nguyên, môi trường du lịch. Bên cạnh đó, cơ chế phân chia lợi nhuận cho các đối tượng liên quan cũng hết sức cần thiết nhằm thiết lập trách nhiệm chung đảm bảo bộ máy quản lý, bảo vệ Vườn quốc gia hoạt động một cách đồng bộ hiệu quả.

Đối với địa bàn mà hệ sinh thái có độ nhạy cảm cao, việc giữ chân du khách trên tàu và chỉ cho phép họ tham quan ở cự ly hạn nhất định sẽ rất có lợi cho thế giới hoang dã.

Việc tính toán sức chứa khoa học cho địa bàn phát triển du lịch sinh thái và quản lý khách trên cơ sở sức chứa sẽ hạn chế những tác động quá mức lên hệ sinh thái do hoạt động của du khách mang lại. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benitez P. Silvia, Andy Drumm, Roberto Troya. 2001. *Các hệ thống cho thuê và*

(Xem tiếp trang

(Tiếp theo trang 74)

phí sử dụng của du khách ở trong các khu bảo tồn biển: điểm điểm cứu Vườn quốc gia Galapagos. Báo cáo kỹ thuật chương trình du lịch sinh thái số 3. Tháng 4/2001.

2. Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên. 2006. *Du lịch sinh thái*. Hà Nội: Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.

3. Lindberg, Kreg và Donald E. Hawkins. 1999. *Du lịch sinh thái hướng dẫn cho các*

nhà lập kế hoạch và quản lý. Cục Môi trường xuất bản.

4. Phạm Trung Lương (Chủ biên), Hoàng Hoa Quân, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Lanh, Đỗ Quốc Thông. 2002. *Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.